

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/BH-NH/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA – NINH HÒA

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 058.3620040 Fax: 058.3620143 Email: duongninhhoa@nhs.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 4200636590

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – FSSC 22000 số: FSSC 648308

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Đường Kính Trắng (White Sugar)**

2. Thành phần: Đường mía (Saccharose: $\geq 99.7\%$)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 02 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Đường kính trắng được chứa trong 2 lớp bao bì: PE bên trong và PP bên ngoài.
- Khối lượng tịnh: 50 kg

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1. Xuất xứ:

Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng: CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA – NINH HÒA

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

5.2. Địa chỉ sản xuất: Đường kính trắng được sản xuất và đóng gói tại:

Cơ sở 1: Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa

Địa chỉ: thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “D” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy D

Cơ sở 2: Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai

Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “A” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy A

Cơ sở 3: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai - Nhà máy

Đường TTC Biên Hòa - Trị An

Địa chỉ: Ấp 1, xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “C” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy C

Cơ sở 4: Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “G” sau ngày sản xuất

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy G

Cơ sở 5: Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang

Địa chỉ: 160 Bắc Ái, P. Đô Vinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “E” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX: dd.mm.yy E

Cơ sở 6: Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, thị xã Ayunpa, tỉnh Gia Lai

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “F” sau ngày sản xuất

Minh họa: NSX: dd.mm.yy F

Cơ sở 7: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai – Nhà máy

đường TTC Biên Hòa – Tây Ninh

Địa chỉ: 561A đường Trần Phú, ấp Tân Phước, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “B” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX: dd.mm.yy B

Cơ sở 8: Công ty cổ phần Đường Nước Trong

Địa chỉ: xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “H” sau ngày sản xuất

Minh họa: NSX: dd.mm.yy H

Cơ sở 9: Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu

Địa chỉ: Bản Na Sược, huyện Phu Vông, tỉnh Attapeu, Lào

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “I” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX: dd.mm.yy I

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Mẫu nhãn đính kèm hồ sơ.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. Kim loại nặng: QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0.5
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	0.05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1
5	Hàm lượng Đồng	mg/kg	2

2. Vi sinh: Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện
– yêu cầu vệ sinh: Vi sinh vật

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số VSV hiếu khí	CFU/10g	200
2	Tổng số bào tử nấm men	CFU/10g	10
3	Tổng số bào tử nấm mốc	CFU/10g	10

3. Độc tố vi nấm: QCVN 8-1:2011/BYT Giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	5
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	15

4. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

5. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

- 5.1 Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể sáng, toát khô. Khi chịu lực nén, các tinh thể có thể bị nén lại và vón cục nhẹ, toát ra khi có tác động lực.
- Mùi vị: Tinh thể và dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Dung dịch: dung dịch trong suốt khi pha với nước cất.

- 5.2 Các chỉ tiêu hóa lý:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Đường Saccharose (Pol)	%	≥ 99.7
2	Độ ẩm	%	≤ 0.07
3	Độ màu	ICUMSA	≤ 200
4	Hàm lượng tro dẫn điện	%	≤ 0.07

5	Hàm lượng đường khử	%	≤ 0.1
---	---------------------	---	------------

5.3 Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện – yêu cầu vệ sinh: Dư lượng SO_2 .

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng SO_2	mg/kg	< 10

6. Hướng dẫn bảo quản: Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.

7. Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Ninh Hòa, ngày 21 tháng 12 năm 2018



Lê Quốc Phong



Ku

600mm

Lê Quốc Phong

200 mm

30 mm

NINH HÒA - ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG

50 KG



TTC - NINH HOA

ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG WHITE SUGAR

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): 50 kg

THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA

SACCHAROSE $\geq 99.7\%$

Sản phẩm của

CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA - NINH HÒA

Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

ĐT: (0258) 362 0040 . Website: www.bhs.vn



- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
 - TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
 - SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 02 NĂM KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT
- BEST BEFORE 02 YEARS FROM PRODUCTION DATE



NSX/MFG: dd.mm.yy ABC số seri D

30 mm

930mm

NINH HÒA - ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG 50 KG

100 mm



SGS

Report N°: 18112703B3

Page N°: 1/ 5

Ho Chi Minh City, Date: November 27, 2018
TP. Hồ Chí Minh, Ngày 27/11/2018

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL18/12198
Đơn hàng: FDL18/12198

CLIENT'S NAME : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIỂN HÒA – NINH HÒA
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : THÔN PHƯỚC LÂM, XÃ NINH XUÂN, THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA
Địa chỉ

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:
Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description Mô tả mẫu	: SUGAR : Đường
Number of sample Số lượng mẫu	: 01 sample : 01 mẫu
Sample characterisation/ condition Tình trạng mẫu	: Sample (approx. 700g) in plastic bag : Mẫu (khoảng 700g) chứa trong túi nhựa
Client's reference Chú thích của khách hàng	: ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG
Date sample(s) received Ngày nhận mẫu	: November 21, 2018 : 21/11/2018
Testing period Thời gian thử nghiệm	: November 21 – November 27, 2018 : 21/11/2018 – 27/11/2018
Test requested Yêu cầu thử nghiệm	: As applicant's requirement : Theo yêu cầu của khách hàng
Test result Kết quả kiểm nghiệm	: Please refer to the next page(s) : Vui lòng tham khảo trang sau



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/certificate/authenticateCertificate.jsp>.

**SGS****Report N°: 18112703B3**

Page N°: 2/ 5

DETAIL TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
1. Aldicarb <i>Aldicarb</i>	PrEN 15662:2017	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
2. Aldicarb sulfone <i>Aldicarb sulfone</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
3. Aldicarb sulfoxide <i>Aldicarb sulfoxide</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
4. Aldicarb (sum of aldicarb and its sulfoxide, sulfone expressed as aldicarb) <i>Aldicarb (tổng của aldicarb, aldicarb sulfoxide và aldicarb sulfone quy về aldicarb)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i>	mg/kg
5. Azinphos-methyl <i>Azinphos-methyl</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
6. Carbofuran <i>Carbofuran</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
7. Carbofuran-3-OH <i>Carbofuran-3-OH</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
8. Carbofuran (sum of carbofuran (including any carbofuran generated from carbosulfan, benfuracarb or furathiocarb) and 3-OH carbofuran expressed as carbofuran) <i>Carbofuran (tổng của carbofuran (bao gồm carbofuran được sinh ra từ carbosulfan, benfuracarb hoặc furathiocarb) và carbofuran-3-OH quy về carbofuran)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i>	mg/kg
9. Chlorantraniliprole <i>Chlorantraniliprole</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.005	mg/kg

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra

Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at

<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ccertificate/authenticateCertificate.jsp>.

1001
CÔ
GS V
TRÁCH N
V3-TF

**SGS****Report N°: 18112703B3****Page N°: 3/ 5**

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
10. Clothianidin <i>Clothianidin</i>	PrEN 15662:2017	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
11. Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (sum) <i>Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (tổng)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
12. Cypermethrine (sum of isomers) <i>Cypermethrine (tổng các đồng phân)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
13. Ethoprophos <i>Ethoprophos</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
14. Isoxaflutole <i>Isoxaflutole</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
15. Mesotrione <i>Mesotrione</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
16. Novaluron <i>Novaluron</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
17. Propiconazole <i>Propiconazole</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
18. Tebufenozide <i>Tebufenozide</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
19. 2,4-D (sum of 2,4-D, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-D) <i>2,4-D (tổng của 2,4-D, bao gồm muối, ester và các dạng liên kết của nó, quy về 2,4-D)</i>	BS EN 15662:2018, mod (*)	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
20. Dicamba <i>Dicamba</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

**SGS****Report N°: 18112703B3****Page N°: 4/ 5**

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
21. Imazapic <i>Imazapic</i>	BS EN 15662:2018, mod ^(*)	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
22. Trinexapac (sum of trinexapac (acid), its salts and its esters Trinexapac ethyl, expressed as trinexapac) <i>Trinexapac (tổng của trinexapac (axit), dạng muối và ester của nó, quy về trinexapac)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
23. Glyphosate <i>Glyphosate</i>	J. AOAC Int. 100 (2017) 631 – 639 ^(*)	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.02	mg/kg

Note/Ghi chú:

- LOD = Limit of Detection/ *Giới hạn phát hiện*
- ^(*) The method is not currently within the ISO 17025 accreditation scope/ *Phương pháp chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025*

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam**Can Tho Laboratory:** Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra

Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at

<https://sgsonline.sgs.com/en/v2/common/certificate/authenticateCertificate.jsp>.

Y
JAM
HAN
HI MI

PHOTO APPENDIX PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH
SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 30 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 30 ngày nếu
không có thông báo đặc biệt khác
END OF THE REPORT

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam

Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự

Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay

Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra

Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/efcertificate/authenticateCertificate.jsp>.

KT3-07501BTP8/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/11/2018
Page 01/03

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG – WHITE SUGAR
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 21/11/2018
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 22/11/2018 - 29/11/2018
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA - NINH HÒA
Customer
Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị Xã Ninh Hòa,
Tỉnh Khánh Hòa
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02 - 03/03
Test results

P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
DEPUTY HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Hữu Tín

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Biên Hòa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm

Test results



Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Cảm quan/ <i>Sensory</i> • Trạng thái bên ngoài/ <i>Appearance</i> • Màu sắc / <i>Color</i> • Mùi Vị / <i>Odor & taste</i>	CBQCM-SW-L-023	-	Tinh thể <i>Crystal</i> Màu trắng/ <i>White</i> Không có mùi lạ, vị ngọt đặc trưng <i>Free from foreign odor, sweet taste</i>
7.2. Độ Pol ở 20°C (°Z) <i>Polarization at 20°C</i>	GS 1/2/3/9 - 1 (2011) ICUMSA	-	99,8
7.3. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % <i>Reducing sugar content (m/m)</i>	GS 2/3/9 - 5 (2011) ICUMSA	-	$3,40 \times 10^{-2}$
7.4. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % <i>Conductivity ash content (m/m)</i>	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	-	$5,95 \times 10^{-4}$
7.5. Độ ẩm tính theo khối lượng, % <i>Moisture content (m/m)</i>	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	$2,03 \times 10^{-2}$
7.6. Độ màu/ <i>Color</i> , IU	GS 2/3 - 9 (2005) ICUMSA	-	184
7.7. Hàm lượng tạp chất không tan, mg/kg <i>Insoluble matter content</i>	GS 2/3/9 - 19 (2007) ICUMSA	-	8,00
7.8. Hàm lượng chì, mg/kg <i>Lead content</i>	AOAC 2016 (999.11)	0,006	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng cadimi, mg/kg <i>Cadmium content</i>	QTTN/KT3 083:2012	0,03	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.10. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg <i>Total arsenic content</i>	TCVN 8427:2010	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.11. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg <i>Mercury content</i>	QTTN/KT3 064:2016	0,015	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.12. Hàm lượng đồng, mg/kg <i>Copper content</i>	AOAC 2016 (999.11)	0,12	Nhỏ hơn 0,36 <i>Less than</i>

ta

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.13. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), Sulfur dioxide content mg/kg	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA	-	5,06
7.14. Hàm lượng aflatoxin, Aflatoxin content μg/kg	TCVN 7596:2007		
• B ₁		0,25	Không phát hiện Not detected
• B ₂		0,10	Không phát hiện Not detected
• G ₁		0,25	Không phát hiện Not detected
• G ₂		0,10	Không phát hiện Not detected
7.15. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , Aflatoxin B ₁ content μg/kg	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện Not detected

th

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam

Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

Tel: (84-251) 383 6212

Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012

Fax: (84-251) 383 6298

Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn

E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

KT3-07501BTP8/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

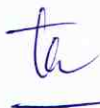
29/11/2018
 Page 01/01

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG – WHITE SUGAR
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
 Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 21/11/2018
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 22/11/2018 - 29/11/2018
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA - NINH HÒA
Customer
 Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị Xã Ninh Hòa,
 Tỉnh Khánh Hòa
7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, <i>Total aerobic plate count</i>	CFU/10 g	GS 2/3 – 41 (2011) - ICUMSA 2017	1,8 x 10 ¹
7.2. Tổng số nấm men, <i>Total yeasts</i>	CFU/10 g	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.3. Tổng số nấm mốc, <i>Total moulds</i>	CFU/10 g	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	1,0 x 10 ⁰

Ghi chú/Notes: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.

P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
DEPUTY HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Hữu Tín

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
 Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
 Tel: (84-251) 383 6212
 Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
 Fax: (84-251) 383 6298
 Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



Certificate of registration

The Food Safety Management System of

BIEN HOA - NINH HOA SUGAR ONE MEMBER CO. LTD.

at

**Phuoc Lam Village, Ninh Xuan Commune, Ninh Hoa District,
Khanh Hoa Province, Vietnam**

has been assessed and determined to comply with
the requirements of

**Food Safety System Certification (FSSC) 22000
(Version 4.1)**

Certification scheme for food safety management systems consisting of the following elements:
ISO 22000:2005, ISO/TS 22002-1:2009 and
Additional FSSC 22000 requirements (version 4.1).

This certificate is applicable for the scope of:

The manufacture of refined sugar.

Food Chain (Sub)Category: CIV

Certificate of registration number: *FSSC 648308*

Certification decision date: 2019-01-09

Initial certification date: 2016-06-09

Issue date: 2019-01-15

Valid until: 2019-06-08

Authorized by:

Marc Barnes
Global Director - Food



Accredited Certification Body: BSI Assurance UK Limited, 389 Chiswick High Road, London W4 4AL United Kingdom

Issued by: BSI Group ANZ Pty Ltd. ACN 078 659 211. Suite 2, Level 7, 15 Talavera Road, Macquarie Park NSW 2113 Australia

Validity of this certificate can be verified in the
FSSC 22000 database of certified organizations available on www.fssc22000.com.